

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: Phòng chờ thi B1.303

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 24/02/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0136	NGUYỄN HỮU	THẮNG	29/11/1998				
2	TA0137	NGUYỄN DIỆU	THANH	07/10/1999				
3	TA0138	HOÀNG CÔNG	THÀNH	26/07/1999				
4	TA0139	PHÙNG KHÁNH	THÀNH	24/07/1995				
5	TA0140	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/02/1999				
6	TA0141	NGUYỄN NGỌC	THIỆN	11/12/1999				
7	TA0142	ĐẶNG ĐỨC	THƯỜNG	18/02/1999				
8	TA0143	NGUYỄN THỊ	THÚY	24/04/1982				
9	TA0144	LÊ THỊ	THỦY	21/04/1999				
10	TA0145	ĐÀO NGỌC	TIẾN	18/08/1999				
11	TA0146	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	06/01/1999				
12	TA0147	NGUYỄN THUỶ	TRANG	20/03/1999				
13	TA0148	ĐẶNG QUỲNH	TRANG	04/01/2000				
14	TA0149	NGUYỄN VĂN	TRINH	03/09/1999				
15	TA0150	LÊ VIỆT	TRUNG	20/02/1999				
16	TA0151	TRẦN ĐỨC	TRUNG	18/09/1999				
17	TA0152	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	11/09/1999				
18	TA0153	NGUYỄN NGỌC	TRƯỜNG	15/09/1999				
19	TA0154	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	15/01/1999				
20	TA0155	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	02/03/1998				
21	TA0156	HOÀNG ANH	TUẤN	22/07/1999				
22	TA0157	MAI THANH	TÙNG	25/06/1999				
23	TA0158	NGUYỄN VIỆT	TÙNG	19/05/1999				
24	TA0159	NGÔ XUÂN	TÙNG	30/09/1999				
25	TA0160	TRỊNH THANH	TÙNG	12/12/1999				
26	TA0161	VŨ MẠNH	TÙNG	20/12/1999				

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
27	TA0162	THIỀU KIM	TÙNG	15/01/1997				
28	TA0163	NGUYỄN THẾ	VÂN	31/05/1999				
29	TA0164	NGUYỄN HOÀNG	VĂN	27/02/1998				
30	TA0165	LÊ HỒNG	VĂN	10/10/2000				
31	TA0166	KHÚC ĐẠI	VIỆT	22/07/1999				
32	TA0167	LÊ ĐỨC	VINH	12/02/1979				
33	TA0168	NGUYỄN VĂN	VỊNH	30/08/1999				
34	TA0169	NGUYỄN NHẬT	VƯƠNG	15/08/1999				
35	TA0170	LÊ ĐÌNH	VƯƠNG	25/11/1999				
36	TA0219	LÊ KHÁNH	TOÀN	21/10/1981				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)